TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **39**/2023/HNGĐ-ST Ngày 16 tháng 5 năm 2023 *V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị Trần Thị L và anh Trần Ngọc LC*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bàn Văn Thế.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Vượng.

Ông Nguyễn Danh Long.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Hồng Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày16/5/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 588/2022/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20/3/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 20/QĐST-HNGĐ, ngày 17/4/2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Trần Thị L, sinh năm 1997. Nơi ĐKHKTT: Thôn A, xã V, huyện S, tỉnh T. Nơi ở: Thôn X, xã Đ, huyện S, tỉnh T (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- ***Bị đơn:*** Anh Trần Ngọc LC, sinh năm 1992. Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Thôn A, xã V, Huyên S, Tỉnh T (Vắng mặt, không có ly do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị (Trần Thị L) và anh Trần Ngọc LC được tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 10/01/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Quý, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại thôn A, xã V, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian

đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt, kinh tế gia đình, vợ chồng thường xuyên đánh chửi nhau, mâu thuẫn thường xuyên nhiều năm không thể hòa giải được. Đỉnh điểm đến tháng 10/2022 thì vợ chồng sống ly thân, không còn quan hệ tình cảm, kinh tế với nhau nữa, chị về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Nay tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Trần Ngọc LC.

- Về con chung: Anh chị có 01 (một) con chung là cháu Trần Long N, sinh ngày 08/11/2019. Hiện nay cháu đang ở với anh LC và ông bà nội, tuy nhiên hàng tháng chị vẫn gửi tiền cấp dưỡng nuôi cháu là 2.000.000 đồng. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N và không yêu cầu anh LC phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản và vay nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị tự nguyện chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Trần Ngọc LC trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh (Trần Ngọc LC) và chị Trần Thị L được tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 10/01/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Quý, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại thôn A, xã V, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng cùng nhau đi làm công và cùng ở trọ, cuối tuần thì vợ chồng về nhà tại A, xã V. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, kinh tế gia đình, có những lần quá nóng giận thì vợ chồng có xảy ra xô sát. Đỉnh điểm đến tháng 10/2022 thì vợ chồng sống ly thân, không còn quan hệ tình cảm, kinh tế với nhau nữa, chị L về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Nay chị L yêu cầu ly hôn thì anh không nhất trí vì mâu thuẫn vợ chồng không căng thẳng đến mức phải ly hôn. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và xác định không nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có 01 (một) con chung là cháu Trần Long N, sinh ngày 08/11/2019. Hiện nay cháu đang ở với anh và ông bà nội. Do vợ chồng đi làm ở Hà Nội nên mỗi tháng vợ chồng anh có đưa cho ông bà nội (là bố mẹ đẻ anh LC) số tiền 2.000.000 đồng để nuôi cháu N, nếu chị L đưa thì anh không đưa nữa. Nếu ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung,.

- Về tài sản và vay nợ chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về án phí: Anh nhất trí với ý kiến của chị L.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã kiên trì hòa giải, đã nhiều lần báo gọi Trần Ngọc LC đến để giải quyết vụ án nhưng anh LC không có mặt; có thời điểm anh LC đến nhưng không hợp tác, không ký biên bản. Xác minh tại địa phương thì hiện

nay anh LC vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn A, xã V, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Theo trình bày của người nhà anh LC thể hiện: Về quan hệ hôn nhân anh LC và chị L có được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn với nhau, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn anh chị L LC sống tại thôn A, xã V, thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, và đến tháng 10/2022 thì anh chị L LC sống ly thân, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về kinh tế, anh LC nợ nần. Về con chung, chị L và anh LC có một con chung là cháu Trần Long N, sinh ngày 08/11/2019, hiện nay cháu N đang ở với ông bà nội do cả bố và mẹ cháu đi làm công ty, cuối tuần chị L thường xuyên về thăm và đón cháu về Xóm Nội, xã Đồng Qúy. Về tài sản chung, vay nợ chung anh chị L LC không có.

Quan điểm của gia đình mong chị L và anh LC đoàn tụ vợ chồng, chung sống hạnh phúc, tuy nhiên gia đình cũng tôn trọng ý kiến của chị L và anh LC; về con chung gia đình có nguyện vọng giao con cho anh LC trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục.

Xác minh tại địa phương thể hiện anh LC và chị L được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định. Anh chị LC L chung sống với bố mẹ chồng tại thôn A, quá trình chung sống có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh LC có chơi bời, nợ nần, gia đình phải trả nợ cho nên đến tháng 10/2022 thì vợ chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã Đ, vợ chồng sống ly thân. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Về con chung anh chị L LC có một con chung là cháu Trần Long N, hiện nau cháu N đang ở với ông bà nội, anh LC thường xuyên đi làm công ty. Trường hợp chị L và anh LC ly hôn nên giao cháu N cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục sẽ đảm bảo hơn. Về tài sản chung do anh chị L LC chung sống với bố mẹ chồng nên không có tài sản chung có giá trị lớn, cụ thể địa phương không nắm được; vay nợ chung không có, còn các khoản nợ của anh LC bố mẹ đẻ đã trả thay cho anh LC.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; bị đơn không có mặt đầy đủ để tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án nhưng không có lý do chính đáng, nên đề nghị giải quyết theo thủ tục chung theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử cho chị Trần Thị L và anh Trần Ngọc LC ly hôn. Giao cháu Trần Long N, sinh ngày 08/11/2019 cho chị Trần Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Anh Trần Ngọc LC không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

Chị Trần Thị L phải chịu án phí theo quy định, anh Trần Ngọc LC không phải nộp án phí; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Qua xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện anh Trần Ngọc LC có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn A, xã V, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã kiên trì hòa giải để các bên đương sự đoàn tụ, nhưng bị đơn anh LC không tham gia đầy đủ các phiên làm việc theo thông báo của Tòa án. Đây được coi là trường hợp người bị kiện cố tình trốn tránh nghĩa vụ, nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Trần Ngọc LC kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Nhưng vợ chồng chung sống với nhau không hòa thuận, năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 10/2022 mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng và ly thân đến nay, cả hai bên không có biện pháp hữu hiệu để hàn gắn tình cảm vợ chồng; bản thân anh LC có thời điểm không đến Tòa làm việc, không hợp tác, điều đó thể hiện việc anh LC không coi trọng việc hòa giải đoàn tụ của Tòa án, hơn nữa hai bên gia đình đã tác động, hòa giải nhưng không có kết quả, nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Xét tình cảm vợ chồng giữa chị Trần Thị L và anh Trần Ngọc LC không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho Trần Thị L và anh Trần Ngọc LC ly hôn.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Trần Thị L và anh Trần Ngọc LC có một con chung là cháu Trần Long N, sinh ngày 08/11/2019. Qua xác minh ở địa phương thể hiện kể từ khi ly thân mặc dù cháu N sống cùng ông bà nội nhưng chị L vẫn thường xuyên quan tâm và cuối tuần đưa đón cháu về để chăm sóc; bản thân anh LC chưa ổn định về điều kiện kinh tế; chính quyền địa phương nơi anh LC sinh sống đều có quan điểm nên giao cháu N cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục sẽ tốt hơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc giao nuôi con chung. Anh Trần Ngọc LC không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản và nợ chung: Các đương sự đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Trần Thị L phải nộp án phí; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị L ly hôn anh Trần Ngọc LC

2. Về con chung: Giao cháu Trần Long N, sinh ngày 08/11/2019 cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Anh Trần Ngọc LC không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị L phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số AA/2021/0002538, ngày 23/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Anh Trần Ngọc LC không phải nộp án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã Đồng Quý, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bàn Văn Thế

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Vượng Nguyễn Danh Long Bàn Văn Thế